

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 23/6/2020  
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đình Hợp

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông: Trần Hữu Thắng

Bà: Nguyễn Thị Trúc

*Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Sỹ Vĩ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về “Ly hôn” thụ lý số 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 16/6/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Xóm N, xã NT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa, có mặt

**Bị đơn:** Chị Lê Thị H - Sinh năm 1979

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm X, xã NT, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa, có đơn xin xử án vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Đăng T trình bày: Anh Tú và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 02 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và do vợ chồng không có con chung nên hay lời qua tiếng lại xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và địa phương hòa giải nhiều lần nhưng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly

thân từ đầu năm 2002 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con cái, tài sản công nợ: Anh Tú trình bày vợ chồng sống chung được thời gian ngắn thì ly thân nên chưa có con chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Lê Thị H, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn cố tình vắng mặt, chỉ cung cấp bản tự khai (*do ông Lê Ngọc C bố đẻ chị H giao nộp trực tiếp tại Tòa án*) có nội dung cơ sở kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thống nhất như anh T trình bày và đồng ý ly hôn với anh T, con cái, tài sản thống nhất ý kiến anh T, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. mặc dù ý kiến các đương sự đều thống nhất nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc nên Tòa không tiến hành hòa giải được, căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc bị đơn chị Lê Thị H vắng mặt có đơn xin xử án vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đăng T và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, nên là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không có con chung, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2002 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Đối với bị đơn chị Lê Thị H tại bản tự khai ( BL số 19) trình bày về cơ sở kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị thống nhất như anh T trình bày, chị cũng xác định vợ chồng ly thân từ năm 2002 đến nay không còn tình cảm và đồng ý ly hôn. Như vậy việc anh T xin ly hôn chị H là có căn cứ phù hợp với nguyện vọng, tình trạng thực tế hôn nhân của vợ chồng, phù hợp với quy định luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh T và chị H.

[3] Về con cái, tài sản: Các đương sự đều thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lý lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đăng T và chị Lê Thị H.

Về con cái, tài sản chung: Không có nên không xem xét

Về án phí: Anh Nguyễn Đăng T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn) theo biên lai số 3925 ngày 16/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, anh T đã nộp đủ án phí .

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- UBND xã Nông Trường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Đình Hợp**